

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6525867086

Chứng nhận lần đầu: ngày 16 tháng 11 năm 1991.

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 28 tháng 11 năm 2007.

Chứng nhận thay đổi lần thứ tám: ngày 28 tháng 12 năm 2016.

Chứng nhận thay đổi lần thứ chín: ngày 25 tháng 01 năm 2017

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu;
- Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BCT ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600245631 ngày 21 tháng 01 năm 2016 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6525867086 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ;

- Xét bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ, hồ sơ kèm theo đăng ký ngày 16 tháng 01 năm 2017,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6525867086 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 28 tháng 12 năm 2016;

Được đăng ký điều chỉnh: Thay đổi người đại diện Chủ đầu tư.

Nhà đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600245631, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 01 năm 2016 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; trụ sở đặt tại: Lô 13, khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện bởi: Ông TORÚ YAMASAKI, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1965, chức vụ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, quốc tịch Nhật Bản; hộ chiếu số MZ1024574, cấp ngày 21 tháng 05 năm 2014 tại Nhật Bản; thường trú tại: 2-30 Okimi-Cho, Shunan-City, Yamaguchi, Nhật Bản.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600245631, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 01 năm 2016 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; trụ sở đặt tại: Lô 13, khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Chế biến nông sản, thủy sản thành phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm; sản xuất các loại bánh, thức ăn nhẹ; Chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát có ga có độ cồn thấp hoặc không có độ cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát với quy mô doanh thu dự kiến đạt 188.000.000 USD/năm, tương đương 126.400 tấn/năm.

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa với quy mô doanh thu dự kiến đạt khoảng 777.739 USD/năm, tương đương 1.000 tấn/năm.

- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các mặt hàng phù hợp với mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

Việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại, Thông tư số 08/2013/TT-BCT ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương về công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 13, khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích nhà xưởng sử dụng: 20.000 m² thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava tại khu công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Sau thời hạn nêu trên, Doanh nghiệp phải chuyển đến địa điểm khác và địa điểm mới phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.444.500.000.000 (một nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn tỷ, năm trăm triệu) đồng Việt Nam; tương đương 90.000.000 (chín mươi triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 871.409.920.000 (tám trăm bảy mươi một tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn) đồng Việt Nam; chiếm 60,33 % tổng vốn đầu tư của dự án; tiến độ góp vốn: đã góp đủ.

5. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 16 tháng 11 năm 1991.

6. Tiến độ thực hiện dự án: đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 12 năm 1993.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Căn cứ pháp lý và đối tượng, điều kiện hưởng ưu đãi:

- Căn cứ pháp lý: Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ; Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: dự án sản xuất công nghiệp trong khu công nghiệp.

b) Thuế suất phổ thông:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% (hai mươi tám phần trăm) áp dụng trước thời điểm 31/12/2008;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (hai mươi lăm phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2009;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% (hai mươi hai phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2014 đến 31/12/2015;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2016.

c) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Đối với mục tiêu chế biến nông sản, thủy sản thành phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm; sản xuất các loại bánh, thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga, nước trái cây có độ cồn thấp (5%):

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) thu nhập chịu thuế kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh đến hết năm thứ 15 (áp dụng theo Quyết định số 53/1998/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ). Sau thời gian ưu đãi, thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất phổ thông.

Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 03 (ba) năm tiếp theo.

Ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) sản phẩm của Doanh nghiệp để xuất khẩu.

- Đối với mục tiêu sản xuất nước tinh lọc đóng chai; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% (mười lăm phần trăm) thu nhập chịu thuế trong 12 (mười hai) năm. Sau thời gian ưu đãi, thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất phổ thông.

Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 05 (năm) năm tiếp theo.

- Đối với mục tiêu thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu:

Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng theo thuế suất phổ thông.

- Đối với phần thu nhập tăng thêm do tăng quy mô chế biến nông sản, thủy sản thành phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm; sản xuất các loại bánh, thức ăn nhẹ; Chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát có ga có độ cồn thấp hoặc không có độ cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát với quy mô từ doanh thu 49.253.000 USD/năm, tương đương 73.992 tấn/năm lên thành 188.000.000 USD/năm, tương đương 126.400 tấn/năm; bổ sung mục tiêu chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa:

Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án:

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6525867086 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp.



Điều 5:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ và một bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai.

TRƯỞNG BAN *An*



Cao Tiên Sỹ

TỈNH ĐỒNG NAI